

 sinh nhật	 tiệc	die Party Tôi sẽ đi dự tiệc. Ich werde zur Party gehen. Lektion 135 · Feiern & Feiertage	der Geburtstag Đó là sinh nhật của em gái tôi. Das ist der Geburtstag meiner Schwester. Lektion 135 · Feiern & Feiertage
 bánh	 nến	die Kerzen Cô ấy thích những cây nến sinh nhật. Ihr gefallen die Geburtstagskerzen. Lektion 135 · Feiern & Feiertage	der Kuchen Họ thích ăn bánh. Sie essen gern Kuchen. Lektion 135 · Feiern & Feiertage
 thiệp sinh nhật	 đám cưới	die Hochzeit Đám cưới là một dịp vui. Eine Hochzeit ist eine glückliche Zeit. Lektion 135 · Feiern & Feiertage	die Geburtstagskarte Đây là một tấm thiệp sinh nhật đẹp. Das ist eine schöne Geburtstagskarte. Lektion 135 · Feiern & Feiertage
 kỷ niệm	 lễ tốt nghiệp	der Abschluss Cô ấy đã tham dự lễ tốt nghiệp của mình. Sie besuchte ihre Abschlussfeier. Lektion 135 · Feiern & Feiertage	der Jahrestag Họ kỷ niệm ngày cưới hàng năm. Sie feiern ihren Jahrestag jährlich. Lektion 135 · Feiern & Feiertage

 Năm Mới	 lễ hội	das Fest Một lễ hội gắn kết mọi người lại với nhau. Ein Fest bringt Menschen zusammen. Lektion 135 · Feiern & Feiertage	das Neujahr Năm Mới là một khoảng thời gian vui vẻ. Neujahr ist eine schöne Zeit. Lektion 135 · Feiern & Feiertage
 cuộc diễu hành	 pháo hoa	das Feuerwerk Pháo hoa thắp sáng màn đêm. Das Feuerwerk erhellt die Nacht. Lektion 135 · Feiern & Feiertage	die Parade Chúng tôi đã xem cuộc diễu hành đầy màu sắc. Wir sahen die bunte Parade. Lektion 135 · Feiern & Feiertage